



ÂM NHẠC

trong Phật giáo Việt Nam

GS.TS. TRẦN VĂN KHÊ

Ừ lâu, khi thuyết trình hoặc viết bài về "Âm nhạc trong Phật giáo", tôi có một suy nghĩ về cách dùng từ "Âm nhạc". Thực ra ở Châu Á, chúng ta không tìm thấy một loại nhạc nào tấu lên cốt để tạo một không khí trang nghiêm của tôn giáo hoặc tấu lên để nghe, để thưởng thức trong đền chùa. Nhạc trong Phật giáo là những cách tán tụng kinh kệ, những bản nhạc theo nghi tiết, được dùng trong các lễ lớn, để làm cho người nghe có được một trạng thái tâm hồn sẵn sàng đón nhận lời dạy của Đức Phật. Bởi thế, nếu dùng từ "Nhạc trong Phật giáo" có lẽ sẽ chuẩn xác hơn là dùng "Âm nhạc trong Phật giáo".

1- Nhạc trong Phật giáo liên quan mật thiết đến các nghi tiết

1.1- Tìm hiểu những nghi tiết trong Phật giáo

- Nghi tiết tại gia: Người tu tại gia thì chỉ biết tụng, niệm mà không biết tán và những nghi tiết lớn thường được tổ chức tại chùa. Tại gia chỉ có thời cúng sáng, thời cúng tối và tụng kinh thì cũng tùy theo người, theo gia đình, thường thì tụng *A Di Đà kinh* và *Kinh Vãng sinh*.

- Nghi tiết tại chùa thường ngày: Nhật tụng mỗi ngày có ba thời cúng, thời cúng sáng từ

4h30 hay 5 giờ sáng; thời cúng Ngọ là cúng trưa; và thời cúng tối thì 6- 7 giờ tối. Mỗi thời cúng bắt đầu bằng tiếng chuông báo chúng. Người Việt Nam thường dùng chữ "thỉnh chuông" hơn "đánh chuông" vì muốn tỏ sự kính trọng đối với những nhạc khí dùng trong nghi lễ. Bắt đầu ba tiếng chuông, gọi là ba tiếng "khai", nhưng trước khi "khai chuông" thường có ba tiếng gõ nhẹ, gọi là ba tiếng "thức", tiếp theo là bốn tiếng mạnh hơn và mau hơn, gọi là bốn tiếng "thức".

Sau ba tiếng "khai chuông" thì chư tăng "hô kệ" (gattha).

Buổi sáng thì kệ "ngũ canh dị đảo" (tức là canh năm đã đánh rồi) và tiếp theo đó thỉnh ba hồi chuông. Sau tiếng chuông, chư tăng bắt đầu tham thiền nhập định và đại hồng chung được gõ 108 tiếng; tiếp theo, chư tăng tụng bài *Dâng hương* và bài *Lãng nghiêm* (Souramgama), nội dung nói về việc tìm hiểu giáo lý và tập trung tư tưởng; sau là niệm *Thập chú* (mantra) và tụng bài *Kinh Bát nhã* (Prajna Sutra). Chư tăng đi ba vòng thánh đường, vừa đi, vừa niệm "Phật Thích Ca" 108 lần. Chư tăng đứng trước bàn Phật và niệm tên các Bồ tát. Thời cúng kết thúc bằng lời "phát nguyện" và

tụng kinh "Hồi hướng", tức là cầu nguyện chuyển tất cả những phúc đức chư tăng được hưởng đến chúng sinh.

Buổi trưa bắt đầu niệm chú *Đại bi* và kinh *Cúng dường* (dâng hoa hay trà, quả), niệm chú *Biến thực* (cầu nguyện biến ít thành nhiều để có đủ cho chúng sinh).

Buổi tối, sau ba hồi chuông, chư tăng hô kệ nhất canh dị đão (tức là canh một đã đến rồi), chư tăng tụng kinh *Dâng hương*, sau là kinh *A Di Đà*, chú *Vãng Sanh* và kinh *Sám hối*, chú *Biến thực*. Chư tăng đi ba vòng Thánh đường và niệm 108 lần tên Phật A Di Đà. Chư tăng đứng trước bàn Phật niệm tên các Bồ Tát và kết thúc bằng lời *Phát nguyện* và *Tam tự quy* (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng). Mỗi tháng, vào đêm 14 rạng ngày rằm (15), thì trong thời cúng tối, chư tăng đọc thêm kinh *Hoa nghiêm* và có thêm một vài lễ nhỏ như *Chúc Thánh* (ngày trước để chúc cho nhà Vua sống lâu, ngày nay chúc cho chúng sinh được một cuộc sống an lành); lễ *Thụ ân* để chư tăng bày tỏ lòng biết ơn cha mẹ, thầy, bạn. Có thể thời *Sám hối* thường được tổ chức như thời *Sám hối* đặc biệt. Các Phật tử đều lạy Phật phía sau các chư tăng.

Mỗi năm, vào ngày Tết Nguyên đán có lễ đặc biệt tôn vinh Phật Di Lặc (là vị Phật của tương lai) và ngày rằm tháng 7 có lễ Vu Lan.

- Nghi tiết trong những đám tang

Trong dân gian, ngoài các thời cúng nhật tụng, còn có những nghi tiết trong những đám tang theo truyền thống Phật giáo. Ngày trước, nghi tiết rất đầy đủ (theo sách của Gustave Dumoutier viết đầu thế kỷ XX - *Le Rituel funéraire des annuités*, Hà Nội 1904, trang 7-12).

Đầu tiên có lễ dâng trầu cau và một vị tăng đứng gần thi hài niệm Phật A Di Đà 3 lần trước khi các chư tăng trong đoàn niệm 108 lần tên Phật A Di Đà. Tiếp theo niệm chú diệt tội tiêu khiển và để mở đường đi đến cõi Niết Bàn. Trong lúc thay y phục cho người quá vãng và lễ dâng một bữa cơm cuối cùng thì gõ chuông trong bầu khí trang nghiêm. Lúc tắm liệm, đọc kinh *Phi chúc Địa tạng*. Rồi khi chuẩn bị cho mọi người phúng điệu thì tụng kinh *Thỉnh linh*.

Khi dâng hương, trà, quả cho người quá vãng tụng kinh *Tiến linh*. Đến ngày đưa người quá vãng về nơi an nghỉ cuối cùng thì có lễ Động quan, lễ đưa linh và từ nhà đến nghĩa trang, chư tăng đều đọc kinh *Sám hối*. Sau đám táng, mỗi tuần đều có buổi cầu nguyện cho linh hồn người quá vãng được sớm đến cõi Niết Bàn gọi là "làm thất", mà lễ lớn nhất được cử hành lúc 49 ngày. Sau đó, có lễ 100 ngày và làm tuần giáp năm. Trong lễ nào, nhà hiếu cũng thỉnh mời chư tăng.

- Nghi tiết tại chùa trong ngày lễ hội lớn: Mỗi năm tại chùa có các lễ lớn như lễ Phật đản, lễ Thành đạo, lễ Niết Bàn, lễ Vu Lan, lễ Chẩn tế cô hồn.

1.2- Nhạc trong các nghi tiết Phật giáo

Trong các nghi tiết đó, âm nhạc được dùng là những cách niệm, đọc, bạch, xướng, thỉnh, tụng, tán. Trong các cách đó tụng, tán là quan trọng nhất. Âm nhạc trong Phật giáo nặng về thanh nhạc hơn khí nhạc.

- Niệm là đọc thầm, nhỏ tiếng, những câu kinh thường là tên các Đức Phật và các Bồ Tát.

- Đọc chỉ dùng vào lúc đọc số.

- Bạch dùng để ngỏ lời với bề trên.

- Xướng và thỉnh là những nét nhạc uyển chuyển mà không có nhịp.

- Tụng dùng để chỉ cách đọc lớn những câu kinh. Sau đây là những tính cách đặc biệt của phong cách tụng:

a- Âm lượng phải to hơn bình thường.

b- Độ cao của mỗi chữ trong câu kinh phải được cách điệu hoá theo thang âm ngũ cung Việt Nam (hò, xự, xang, xê, cống, liu).

c- Nét nhạc của câu kinh tùy theo nét nhạc của thanh giọng trong tiếng nói.

d- Mỗi chữ nhạc chỉ tụng theo một giọng (style syllabique).

e- Thang âm điệu thức giống như thang âm điệu thức dùng trong ca nhạc Huế hoặc ca nhạc Tài tử. Có 2 cách tụng chính: Tụng theo hơi thiền khi tụng kinh trong chùa hay tại gia để tạo một không khí trang nghiêm, thang âm điệu thức gắn với hơi thiền miền Trung và hơi nhạc miền Nam: Xừ, sang, xê, cống, liu, ú tương đương với rê, fa, sol, la, do, rê; Tụng theo hơi ai trong các lễ tang ma hay cầu siêu - vì tôn trọng

nỗi buồn của tang chủ và cũng có ý chia bớt nỗi buồn đó: Hò, xư (xự già), xang già, xê, cống non tương đương với sol, la+, do+, rê, mi - âm vực (ambitus) thường rất nhỏ.

f- Tiết tấu không phức tạp mà chỉ đều đều theo trường canh nhưng một bài tụng thường bắt đầu chậm hoặc trung bình và phần chót mau dần dần. Mỗi chữ nhạc được đệm bằng một tiếng mõ, riêng chữ thứ 7 được gõ 2 tiếng mõ cho tròn chu kỳ 8 tiếng.

g- Bài tụng thường không có nhạc đệm theo. Chư tăng chỉ gõ mõ và chuông gia trì (thường để chấm câu). Ở miền Trung, lúc tụng có thể có đàn nhị hoà theo. Khi chư tăng phát nguyện bằng bài "Thập chúng đại nguyện" thì đàn nhị thường đàn theo phong cách rao "dạo", tức là không có tiết tấu). Theo miền Trung có thể dùng "tang" (tức là "đầu") nhưng miền Nam thì không bao giờ dùng đến "đầu".

h- Chư tăng chỉ dùng giọng thật để tụng.

i- Trong bài tụng không bao giờ dùng đồng giọng (unisson) từ đầu đến cuối. Thỉnh thoảng trong giữa câu có người lên giọng cao hay xuống giọng thấp nhưng phải tôn trọng điệu thức (hoặc thiên hoặc ai mà không thể pha trộn). Những giọng khác nhau không theo quy luật của hoà âm (harmonie) hay đối vị (contre point) của phương Tây mà theo cách đàn ca tài tử.

- Tán là một bài ca để tôn vinh Đức Phật hay Bồ Tát hoặc đề cập đến việc cứu khổ cứu nạn hay nhắc đến cái mong manh trong cuộc đời. Sau đây là những tính cách đặc biệt của tán:

a- Âm lượng trong bài tán cũng được nâng cao.

b- Bài ca đó không có một giai điệu cố định mà nét nhạc của bài tán tùy theo nét nhạc của thanh giọng những chữ dùng trong câu kinh.

c- Mỗi chữ nhạc trong bài tán có thể ngân nga theo nhiều cao độ khác nhau. Cách hát đó được gọi là mélismatique (tiếng Việt có thể dịch "cách hát có luyến láy"). Có rất nhiều cách ngân nga trong nhiều bài tán lớn. Nét nhạc luyến láy có thể cố định và lặp đi lặp lại nhiều lần - như trong bài tán "Nhất diện" ở giữa câu và cuối câu như "Hò... xư hò phàn, hò phàn xê phan, xừ u, xê... xang xự, xê xảng..." tương

đương như do... rê do si (b), do si (b) sol si, do rê sol fa rê, sol fa...

d- Thang âm điệu thức cũng giống như trong cách tụng nhưng trong những bài tán thường có chuyển hệ (métabole) nên thang âm ngũ cung (pentatonique) gồm có 5 tiếng nhạc chính được thêm 2 tiếng nhạc phụ, do đó có dạng của thang 7 âm (heptatonique). Âm vực trong tán thường lớn hơn âm vực trong tụng. Điệu thức được dùng cũng là hơi thiên và hơi ai. Giai điệu của mỗi bài tán thường gần như cố định cũng như những câu luyến láy và mỗi bài tán thường mang một tên riêng như bài tán "Dương chi tịnh thủy", tán "Thiên trụ", tán "khê thủ", tán "Nhất diện".

e- Tiết tấu của tán thường phức tạp hơn tiết tấu của tụng. Đa số các bài tán đều có nhịp ngoại. Theo truyền thống miền Nam có khi mỗi chữ đều có nhịp ngoại, còn miền Trung thì nhịp ngoại theo chu kỳ. Do đó, truyền thống miền Trung phân ra làm 3 loại tán:

- Tán rơi có tiết tấu chu kỳ phức tạp nhất:

Keng ... cóc keng, keng cóc...

- Tán xấp:

Keng keng cóc, keng keng cóc

- Tán trạo:

Keng cóc, keng cóc, keng cóc.

2- Nhạc trong Phật giáo không có khuôn mẫu

Xuất phát tại Ấn Độ cách tán tụng theo truyền thống Veda nhưng nhạc trong Phật giáo ở mỗi nước Châu Á đều mang tính cách đặc thù của mỗi nước.

Việt Nam, âm nhạc truyền thống dân tộc có liên quan mật thiết đến âm nhạc trong Phật giáo.

2.1- Nhạc khí trong dàn nhạc lễ dùng trong các lễ hội Phật giáo lớn không có khác gì nhiều với nhạc khí dùng trong nhạc lễ dân tộc, trừ một số nhạc khí tôn giáo như Đại cổ, Đại hồng chung, chuông báo chúng, chuông gia trì, mõ gia trì, đầu (tang), linh, mộc bảng.

- Đại cổ: là trống lớn như trống châu, chỉ được dùng trong các đại lễ. Trong các lễ thường, trống được dùng kích thước nhỏ hơn và cùng với tiếng chuông tấu lên 3 hồi chuông trống Bát nhã.

Đại hồng chung: thường có thể dùng suốt ngày và đặc biệt nhất là trong những thời cúng. Khi chư tăng tham thiền nhập định thì gõ 108 tiếng chuông.

- Chuông báo chúng: là một loại chuông nhỏ hơn dùng để báo thức, báo giờ bắt đầu các thời kinh, báo mở đầu tham thiền nhập định và buổi tối báo giờ nghỉ.

- Chuông gia trì: hình cái chén, làm bằng đồng, đặt trên một cái gối tròn và dùng một cái dùi có bịt vải ở một đầu để kích âm và đặt bên mặt phải của bàn thờ. Chuông dùng để mở đầu và chấm câu. Người gõ chuông được gọi là "duy na".

- Mõ gia trì: trước kia, mõ gia trì hình con cá làm bằng gỗ, nay mõ này hình giống như cái lục lạc to, được để trên gối và đặt bên trái của bàn thờ. Mõ dùng để gõ theo những bài tụng và tán. Vị tăng gõ mõ mang tên là "duyệt chúng". Mỗi chữ trong các bài tụng đều được đệm bằng một tiếng mõ.

- Đẩu: ở miền Trung thường gọi là tang, là một loại thanh la nhỏ cầm trên tay và gõ bằng một chiếc đĩa. Tang và mõ được dùng để đệm cho những bài tán. Ở miền Nam, khi có những bài tán thì thường có 2 vị tăng "chọi đẩu" tức là dùng 2 đẩu gỗ chung theo một công thức tiết tấu được quy định.

- Linh: là một cái chuông nhỏ dùng để đánh nhịp cho những bài tụng hay tán, nhất là trong những buổi lễ có nghi thức tang lễ.

- Mộc bồng: là một miếng gỗ được dùng để báo những thời cúng tối. Mộc bồng gõ theo 3 hồi. Mộc bồng cũng được dùng để báo giờ ăn trưa.

Nhạc khí dùng trong các đại lễ của Phật giáo:

- Ở miền Nam thì dùng các nhạc khí trong bộ nhạc lễ nhưng giản dị hoá: kèn, trống nhạc, bồng, đẩu bực, mõ sừng trâu của phe võ và đàn cò, đàn gáo của phe văn. Sau này, có khi dùng cả đàn tranh, đàn bầu, có nơi dùng cả guitar phím lõm hay đàn organ (hai nhạc khí này theo thiền ý không nên có mặt trong dàn nhạc lễ của Phật giáo). Một số bài bản như "đánh thét", bài "trống lay" được dùng trong các nghi lễ.

- Ở miền Trung, trong các nghi lễ lớn, dàn

nhạc lễ thường là 2 dàn đại nhạc và tiểu nhạc của nhạc cung đình được giản dị hoá. Chỉ có 1 cây kèn, 1 trống võ, 1 thanh la, 1 hay 2 đàn nhị, 1 đàn nguyệt. Mở đầu bản "Đăng đàn cung" (theo phong cách đại nhạc) được tấu lên, tiếp theo bản "ngũ đối thượng" hay "long ngâm" (theo phong cách tiểu nhạc hay nhã nhạc). Bài "Long ngâm" thường được mở gia trì đệm theo. Khi dứt đoạn mở đầu thì những bài tụng, tán được tiếp theo.

Cả ba miền, trong phần nghi lễ tiếp theo thì dàn nhạc tùy theo các bài tụng, tán mà có những điệu nhạc để phụ họa.

2.2- Các hơi dùng trong các bài tán, tụng của Phật giáo cũng giống như một số hơi điệu dùng trong nhạc Dân tộc truyền thống.

- Hơi "thiền" rất gần hơi "nhạc" hay hơi "hạ" nhưng tiết tấu chậm rãi hơn.

- Hơi "ai" trong tán tụng rất gần với hơi "ai" trong nhạc truyền thống.

(Nhưng theo tôi, cấu trúc âm thanh trong những bài tụng, tán, gần với cấu trúc âm thanh của tiếng hát ru).

2.3- Nét nhạc thường đi sát với sự thay đổi của thanh giọng ngôn ngữ như trong các bài dân ca. Tuy nhiên, mục đích của âm nhạc trong Phật giáo không phải tạo nên một không khí nghệ thuật để cho thính giả thưởng thức, mà tạo ra một trạng thái tâm hồn bình tĩnh, thanh thản cho người đọc hay nghe kinh, để thấu hiểu giáo lý của nhà Phật. Nhạc trong Phật giáo hướng nội, trong khi nhạc nghệ thuật hướng ngoại.

3- Nhạc trong Phật giáo theo truyền thống âm nhạc dân tộc của mỗi quốc gia, mỗi vùng

Khi niệm "Nam mô A Di Đà Phật":

- Phong cách miền Nam Việt Nam: rất gần với cấu trúc âm thanh của điệu hát ru miền Nam.

- Phong cách miền Bắc Việt Nam: rất gần với cấu trúc âm thanh của điệu hát ru miền Bắc.

- Phong cách Trung Quốc: cùng một cấu trúc âm thanh với điệu thức chính cung điệu (hò rung, xự mở, xang rung, xê rung, cống mở, liu rung).

- Phong cách Nhật Bản: phù hợp với phong

cách Shomyo (cấu trúc âm thanh đặc biệt).

4- Thang âm, điệu thức của âm nhạc trong Phật giáo

Thang âm, điệu thức của âm nhạc trong Phật giáo chủ yếu được dùng trong các bài tụng, tán (đã nói chi tiết ở phần trên). Thang âm thường dùng trong hệ thống ngũ cung theo hơi "thiên" và "ai" trong truyền thống miền Trung, hơi "nhạc" và hơi "ai" là trong truyền thống miền Nam. Ở miền Bắc, các bài tụng, tán thường theo phong cách miền Trung, nhưng cũng có rất nhiều phong cách của địa phương miền Bắc rất khác biệt.

Có nhiều dạng trong hệ thống ngũ cung được dùng trong các bài tụng, tán. Chỉ đơn cử ra đây một vài thí dụ cụ thể:

- Thang âm 3 âm: Hò, xang, xê tương đương với do, fa, sol nếu ta lấy chữ "hò" cùng độ cao với "do" như trong bài "Xướng pháp ngữ" (ca ngợi Đức Phật).

- Thang âm 4 âm: Hò, xự, xang, xê tương đương với do, rê, fa, sol trong cách "đọc số".

- Thang âm ngũ cung:

+ Dạng hò, xự (không dấu nặng), xang, xê, cống, liu tương đương với do, mi(b), fa, sol, la, trong bài "tụng Lăng Nghiêm".

+ Dạng hò, xự, xang, xê, cống, liu tương đương với do, rê, fa, sol, la do trong bài tán "khệ thủ".

+ Dạng hò, xự, xang, xê, cống, liu nhưng phần trầm xàng, xê, phan, liu tương đương với do3, rê3, fa3, sol3, la3, do4 và phần trầm fa2, sol2, si(b)2, do3 trong bài tán "Nhất điện".

5- Lời kinh giống nhau như kệ "Vãng sinh", kinh "A Di Đà", kinh "Bát Nhã". Kinh Phật có hai loại

- Giữ nguyên tiếng Phạn, phiên âm ra tiếng Trung Quốc, rồi các nước khác lại đọc phiên âm đó theo cách của nước mình. Những bài này không có giai điệu đặc biệt.

- Kinh dịch từ tiếng Phạn ra tiếng Trung Quốc. Mỗi nước châu Á đọc theo bản chữ Hán và theo giai điệu riêng của mình.

Thí dụ: Nhật Bản đọc theo phong cách Shomyo.

Triều tiên đọc theo phong cách Hissori, Chissori.

Việt Nam đọc theo 2 hơi chính: thiên và ai
Hơi thiên: nghiêm trang, không vui nhộn mà cũng không buồn thảm, về cấu trúc âm thanh thì rất gần điệu Bắc và hơi nhạc (có khi gọi là hơi hạ).

Hơi ai: nhẹ nhàng, có hơi buồn thảm, dùng trong các lễ tang để tỏ rằng, các thầy khi đi làm đám muốn chia sẻ nỗi buồn cùng tang gia.

Trong chùa thì khi tán "Nhất điện", vì nội dung nhắc lại sự mong manh của cuộc đời ("thân hình bèo ảnh tựa ngân sương, mạng tựa ngân sương"), nên tán theo hơi ai

Kết luận:

Âm nhạc dùng trong Phật giáo và âm nhạc dùng trong truyền thống dân tộc có những điểm tương đồng sau đây:

- Nhạc khí: nhạc khí trong dàn nhạc trong Phật giáo đa phần giống như nhạc khí dùng trong dàn nhạc truyền thống dân tộc (đàn nhị, đàn nguyệt, kèn, trống phách phụ họa) nhưng đặc biệt trong nhạc trong Phật giáo có những nhạc khí không dùng trong dàn nhạc lễ như: mõ gia trì, chuông gia trì, đẩu hay tang cầm trên tay, mộc bồng.

- Bài bản: nhạc lễ dùng trong Phật giáo giống như nhạc lễ dùng trong cung đình và trong dân gian. Tuy vậy, cũng có một vài bản đặc biệt - như bài "Trống bát nhã" không có trong nhạc lễ dân gian và cung đình.

- Ngôn ngữ âm nhạc: thang âm điệu thức là hoàn toàn giống nhau, nhưng về tiết tấu, trong các bài tán theo truyền thống miền Trung thì có những nhịp đặc biệt cho các điệu tán rơi, tán xấp và tán trạo.

- Trong cách thể hiện giai điệu: nhạc trong Phật giáo và nhạc truyền thống dân tộc có 2 điểm tương đồng:

+ Cách điệu hoá độ cao của các thanh giọng trong ngôn ngữ bằng các độ cao của những chữ nhạc trong thang âm ngũ cung.

+ Vận hành giai điệu phải theo sát với thanh giọng của lời kinh.

Ngoài một vài điểm dị biệt, nhạc trong Phật giáo đa phần có liên quan mật thiết với âm nhạc truyền thống dân tộc và trở nên gần gũi với con người Việt Nam./